

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 16/7/2018

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Hùng

Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang Tp Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2017/TLST-DS ngày 27/11/2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-DS ngày 05/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X . Địa chỉ: Tháp S, số nhà 35 đường H, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tá Anh H, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: 3/2 Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ nơi cư trú: Thôn L1 (nay là thôn L), xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 của nguyên đơn; lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Bùi Tá Anh H tại phiên tòa như sau:

Ông Đặng Văn T và Ngân hàng X chi nhánh B với mục đích vay thẻ tín dụng để tiêu dùng theo đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 12/08/2013 với hạn mức thẻ là 100.000.000 đồng. Sau khi vay vốn ông T không thanh toán như đã cam kết dẫn đến khoản nợ bị quá hạn và chuyển thành nợ xấu.

Tính đến thời điểm ngày 07/8/2017, tổng dư nợ phải thanh toán của ông T là 490.820.665 đồng. Trong đó dư nợ gốc là 97,870,418 đồng, lãi là 56.706.172 đồng và phí phạt chậm trả là 392.950.247 đồng. Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của ông T : khoản vay không có tài sản đảm bảo. Kể từ khi các khoản vay của ông T bắt đầu phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thoại, gửi văn bản, lập biên bản nhắc nhở, yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng

ông T vẫn không thực hiện đúng, đầy đủ theo các thỏa thuận, cam kết giữa các bên. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của mình, Ngân hàng X đề nghị quý Tòa xem xét, xét xử:

Buộc Ông **Đặng Văn T** phải thanh toán toàn bộ dư nợ vay cho Ngân hàng X tính đến thời điểm ngày 16/7/2018 là 165.593.045 đồng (Trong đó nợ gốc là 97,870,418 đồng, nợ lãi là 67.722.627 đồng) và toàn bộ nợ lãi tiếp theo cho đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp Ông **Đặng Văn T** không tự nguyện thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng X được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản hợp pháp của ông Đặng Văn T để thu hồi nợ.

Đối với khoản phí phạt chậm trả là 402.183.893 đồng (tính đến tháng 11/2017), Ngân hàng X xin rút yêu cầu khởi kiện, sau này có nhu cầu sẽ khởi kiện sau.

Bị đơn là ông Đặng Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có bản tự khai. Tòa án triệu tập ông T họp lệ phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về cơ bản Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử là chưa đúng thời hạn quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ vào việc đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BIDV của ông Đặng Văn T với Ngân hàng X chi nhánh B; điều kiện, điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của BIDV Việt Nam; áp dụng Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Đặng Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng X số tiền 165.593.045 đồng (gồm 97.870.418 đồng nợ gốc và 67.722.672 đồng nợ lãi tính đến ngày 16/7/2018) và toàn bộ dư nợ lãi, phí phát sinh cho đến khi hoàn thành hết nghĩa vụ trả nợ. Ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án do nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện:

- Bản photo: Bảng đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của BIDV với ông Đặng Văn T; sổ tạm trú chủ hộ Đặng Văn T; CMND ông T ; Điều lệ Ngân hàng X.

- Các bản sao kê tài khoản thẻ tín dụng.

- Bản sao: Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV Ngày 28/10/2016 và danh sách người được ủy quyền kèm theo; CMND ông Nguyễn Thanh V; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.

- Quyết định ủy quyền số 381 ngày 14/11/2017.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án do nguyên đơn nộp trong quá trình giải quyết vụ án: Bản tự khai

Tài liệu, chứng cứ của vụ án do nguyên đơn nộp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử:

- Bảng tính chi tiết lãi phát sinh sử dụng thẻ tín dụng quốc tế từ ngày 25/8/2013 đến ngày 25/4/2018.

- Bảng sao kê tài khoản thẻ tín dụng 2013, 2014, 2017

- Quyết định ủy quyền số 219 ngày 17/5/2018; Công văn số 2876 ngày 07/5/2014 thông báo lãi suất thẻ tín dụng quốc tế BIDV từ tháng 5/2014 của Giám đốc trung tâm thẻ; Công văn số 7096 ngày 16/9/2013 thông báo lãi suất thẻ tín dụng quốc tế BIDV từ tháng 9/2013 của Giám đốc trung tâm thẻ; Công văn số 2010 ngày 09/4/2013 thông báo lãi suất thẻ tín dụng quốc tế BIDV từ tháng 01/4/2013 của Giám đốc trung tâm thẻ; Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; bản tự khai.

- Quyết định ủy quyền số 300/QĐ-BIDV.NBD-QLRR ngày 11/7/2018

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng X với ông Đặng Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang là đúng theo quy định tại Điều 26 và điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Do ông Đặng Văn T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Bị đơn là ông Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử chưa đúng thời hạn quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự là lỗi của Thư ký nên cần rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Theo bảng Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BIDV giữa và Ngân hàng X – chi nhánh B ngày 12/8/2013 kèm theo Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì Tòa án có cơ sở xác định:

Ông Đặng Văn T có vay của Ngân hàng X – chi nhánh B thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân với hạn mức vay là 100.000.000 đồng,

lãi suất được quy định tại Điều 4 của Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ, áp dụng theo thông báo của BIDV từng thời kỳ (có thông báo lãi suất thẻ tín dụng quốc tế BIDV từng thời kỳ kèm theo, dao động từ 15%/năm-17%/năm). Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thanh toán được 08 lần với tổng số tiền là 57.487.736 đồng, trong đó thanh toán được 40.811.582 đồng nợ gốc và 16.676.154 đồng nợ lãi và phí. Tổng số tiền ông T thanh toán hàng hóa dịch vụ là 46.982.000 đồng, tổng số tiền ứng tiền mặt là 91.700.000 đồng. Tổng nợ gốc còn nợ đến nay là $(91.700.000 \text{ đồng} + 46.982.000 \text{ đồng}) - 40.811.582 \text{ đồng} = 97.870.418 \text{ đồng}$.

Ngày chậm thanh toán lần đầu là ngày 09/11/2013, ngày thanh toán cuối cùng là ngày 03/6/2014, ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 30/6/2014. Tính đến ngày 16/7/2018, tổng nợ gốc là 97.870.418 đồng, nợ lãi là 67.722.627 đồng (lãi từ ngày 10/11/2017 đến ngày 16/7/2018 là: 249 ngày x 16.5%/năm/365 ngày x 97.870.418 đồng = **11.016.454 đồng**; lãi từ 26/5/2014 đến ngày 02/6/2014 là: 8 ngày x 16.7292%/365 ngày x 99.668.155 đồng = **365.450 đồng**; lãi từ ngày 03/6/2014 đến ngày 09/11/2017 là: 1.256 ngày x 16.729162%/365 ngày x 97.870.418 đồng = **56.340.723 đồng**). Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông T phải thanh toán đúng hạn, nhưng ông T không thực hiện. Như vậy, ông T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tại Khoản 1, 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Về lãi được quy định trong Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BIDV ngày 12/8/2013 mà Ngân hàng X – chi nhánh B và ông Đặng Văn T ký kết, cụ thể:

Lãi được tính trên dư nợ thanh toán hàng hóa và dư nợ ứng rút tiền mặt theo công thức : $\text{Lãi ngày} = \text{dư nợ gộp cuối ngày} \times \text{lãi suất năm} / 360 \text{ ngày}$ (từ ngày 26/01/2018, điều chỉnh ngày tính lãi cơ sở thành 365 ngày theo quy định tại Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà Nước). Lãi được cộng dồn lãi ngày trong kỳ sao kê.

Phí phạt chậm thanh toán được tính trên phần dư nợ phải thanh toán trên sao kê, là số tiền thanh toán tối thiểu theo mỗi kỳ sao kê. Số tiền thanh toán tối thiểu = $\text{Lãi suất dư nợ cuối kỳ} + \text{Giá trị thanh toán tối thiểu kỳ sao kê trước chưa thanh toán (nếu có)} + \text{dư nợ vượt hạn mức (nếu có)}$. Lãi suất là 5%.

Nếu trong nếu 2 kỳ sao kê liên tiếp khách hàng không thanh toán đầy đủ khoản thanh toán tối thiểu, tài khoản thẻ tín dụng sẽ bị khóa và chuyển nhóm nợ, giá trị thanh toán tối thiểu từ lúc này sẽ bằng dư nợ cuối kỳ sao kê. Trong trường hợp khách hàng tiếp tục không thanh toán các kỳ sao kê tiếp theo. Dư nợ cuối kỳ sao kê bị tính phí phạt chậm thanh toán: $\text{dư nợ thanh toán hàng hóa} + \text{dư nợ ứng rút tiền mặt} + \text{dư nợ lãi kỳ trước} + \text{dư nợ phí phát sinh kỳ trước}$. Mức phí phạt chậm thanh toán quy tại cẩm nang sản phẩm do BIDV quy định theo mỗi thời kỳ. Trước 27/05/2015: 3% số tiền chậm thanh toán và tối thiểu 50.000 đ. Từ 27/05/2015 (kỳ sao kê 06/2015): 4% số tiền chậm thanh toán và tối thiểu 100.000 đồng.

Khoản nợ thẻ tín dụng của ông Đặng Văn T bắt đầu phát sinh quá hạn thanh toán sao kê từ tháng 11/2013, và chuyển nhóm từ tháng 06/2014, từ đó ông Đặng Văn T không hợp tác và không hề thanh toán dư nợ cho BIDV, tiền lãi 67.722.627 đồng phát sinh từ 02/06/2014 đến 16/7/2018 chỉ tính trên dư nợ gốc 97.870.418 đ (là tiền thanh toán hàng hóa dịch vụ và ứng rút tiền mặt).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phí phạt chậm thanh toán (phát sinh từ tháng 06/2014 đến tháng 11/2017) là 402.183.893 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã rút.

Từ những nhận định trên, Tòa án căn cứ các Điều 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc ông T phải trả cho Ngân hàng X tổng số tiền nợ là 165.593.045 đồng (gồm 97.870.418 đồng nợ gốc; 67.722.627 đồng nợ lãi tính đến ngày 16/7/2018). Kể từ ngày 17/7/2018, ông Đặng Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phí phát sinh theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong quy định trong Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BIDV ngày 12/8/2013 mà Ngân hàng X – chi nhánh B và ông Đặng Văn T ký kết cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật trên số tiền phải trả là: 165.593.045 đồng x 5% = 8.279.652 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng X 11.816.413 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 6167 ngày 27/11/2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1, 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí phạt chậm thanh toán 402.183.893 của Ngân hàng X đối với ông Đặng Văn Thành.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng X đối với ông Đặng Văn Thành.

4. Xử: Buộc ông Đặng Văn T phải trả cho Ngân hàng X số tiền nợ là 165.593.045 đồng (gồm 97.870.418 đồng nợ gốc; 67.722.627 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 17/7/2018, ông Đặng Văn T còn phải tiếp tục trả tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và phí phát sinh theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong quy định trong Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kèm theo Đăng ký phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế BIDV ngày 12/8/2013 mà Ngân hàng X – chi nhánh B và ông Đặng Văn T ký kết cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 8.279.652 đồng, ông Đặng Văn T phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng X 11.816.413 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 6167 ngày 27/11/2017.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG